

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: **97/2025/DS - ST**

Ngày: 17/3/2025

V/v: " *Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Danh Riêng**

Bà **Nguyễn Thị Cẩm Bình**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Văn Lộc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Thuý An**- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 266/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, về việc "*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXX- ST, ngày 19 Tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 45/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Phạm Mộng N**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Bà N có mặt tại phiên tòa)

* **Bị đơn:** Ông **Đông Văn D**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Ông D vắng mặt lần 2 không lý do).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1968

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

(Bà B có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/4/2024 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Mộng N trình bày: Do bà và ông D là bà con thân tộc với nhau nên ông D có hỏi vay tiền bà nhiều lần tính đến lần cuối cùng ông D nhận tiền là 12/8/2023 thì ông D đã vay của bà với tổng số tiền là 210.000.000đ, lãi suất hai bên thỏa thuận không cố định, thời hạn thanh toán do các bên tự thỏa thuận. Từ khi vay tiền thời gian đầu thì ông D thanh toán tiền gốc và lãi đầy đủ nhưng sau đó khoảng tháng 11 năm 2023 thì ông D cứ kéo dài thời gian thanh toán nên gia đình ông D có cho tiền ông D thanh toán cho bà được 100.000.000đ còn lại 110.000.000đ thì ông D hẹn lại và xin trả dần vì nghĩ tình nghĩa gia đình với nhau nên bà đồng ý đồng thời bà có lập tờ bằng chứng đề nghị 19/11/2023 với nội dung ông D xác nhận còn nợ lại bà số tiền là 110.000.000đ và trả dần mỗi tháng là 3.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ và ông D cùng một số người làm chứng chứng kiến ký tên.

Tuy nhiên, từ khi ông D làm tờ bằng chứng đến nay thì ông D không thực hiện như đã thỏa thuận, ông D đi làm ăn mà không gửi tiền về trả cho bà.

Bà N xác nhận đối với số tiền nợ 110.000.000đ là nợ cá nhân của ông D nên ông D có trách nhiệm thanh toán cho bà, số tiền này không liên quan đến bà B nên bà không yêu cầu bà B liên đới trả nợ cùng ông D, đây là sự tự nguyện của bà và cam kết không khiếu nại về sau.

Tại phiên tòa, bà Phạm Mộng N yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Đồng Văn D thanh toán cho bà số tiền vay gốc còn nợ lại với tổng số tiền là 110.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Đồng Văn D: Trong quá trình giải quyết vụ án ông D đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông D đều không có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B trình bày tại biên bản ghi lời khai ngày 17/7/2024: Bà là mẹ kế của ông Đồng Văn D, vào năm 2023 bà và ông Đồng Văn M (Cha ruột ông D) có biết việc ông D hỏi vay tiền của bà N nhiều lần và nợ với số tiền là 210.000.000đ nhưng không có khả năng thanh toán, vì nghĩ chỗ bà con thân tộc với bà N nên vợ chồng bà đứng ra đưa cho bà N số tiền là 100.000.000đ để cân trừ vào số khoản nợ của ông D, số tiền này vợ chồng bà

cho ông D trả nợ cho bà N chứ không phải đứng ra bảo lãnh trả nợ thay cho ông D, thời điểm bà đưa tiền cho bà N do ông D đi làm ăn không có nhà nên bà trực tiếp đưa cho bà N và bà N viết biên nhận tiền.

Đến ngày 19/11/2023 bà N và ông D đã thống nhất xác nhận nợ lại với nhau là ông D còn nợ lại bà N số tiền là 110.000.000đ và bà N đồng ý cho ông D trả dần mỗi tháng là 3.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ đồng thời ông D cùng bà và một số người làm chứng chứng kiến ký tên.

Tại phiên tòa bà N có mặt; Bà B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt còn ông D vắng mặt lần 2 không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Mộng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Bà Phạm Mộng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đồng Văn D trả cho bà số tiền nợ vay gốc còn lại là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời bị đơn ông D có nơi cư trú tại ấp N, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang và Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng.

- Xét về quan hệ tranh chấp: Việc tranh chấp giữa bà Phạm Mộng N với ông Đồng Văn D là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Đồng Văn D tham gia phiên tòa nhưng bị đơn ông D vẫn tiếp tục vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không có lý do còn người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt

và tại phiên tòa nguyên đơn bà N đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn bà Phạm Thị Mộng N yêu cầu buộc ông Đồng Văn D có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền vay gốc còn lại là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình, quá trình giải quyết vụ án, bà N có cung cấp cho Tòa án 02 giấy biên nhận ngày 16/11/2023 và ngày 19/11/2023 cùng tờ bằng chứng ngày 19/11/2023 thể hiện nội dung ông D có nợ tiền bà N với tổng số tiền là 210.000.000đ và sau đó bà B đã trả thay cho ông D 100.000.000đ còn lại 110.000.000đ ông D xác nhận nợ lại với bà N theo tờ bằng chứng ngày 19/11/2023 đồng thời ông D xin trả dần mỗi tháng là 3.000.000đ/tháng cho đến khi dứt nợ nhưng đến nay chưa thanh toán và vấn đề này trong quá trình giải quyết vụ án cũng được bà B và ông Đồng Văn M cùng anh Đinh Quang S xác nhận là đúng.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng liên quan đến vụ kiện nhưng ông D không có văn bản ý kiến và không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện ông D không có thiện chí để giải quyết đồng thời từ bỏ quyền tự bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho mình và tại phiên tòa hôm nay mặc dù ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do, mặc khác bà B và ông M là cha mẹ ông D cũng đã xác nhận việc ông D nợ tiền bà N số tiền 110.000.000đ là thật nhưng do ông D hiện nay làm ăn khó khăn nên chưa có khả năng thanh toán cho bà N như đã thỏa thuận.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà N khởi kiện yêu cầu buộc ông D có trách nhiệm thanh toán cho bà số tiền vay gốc còn lại là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng) có căn cứ chấp nhận.

[3] Về yêu cầu tính lãi suất: Do nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Trường hợp ông D chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo bản án đã tuyên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

[4] Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị B do bà N không có yêu cầu trách nhiệm liên đới đến nội dung khởi kiện nên HĐXX không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông D phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Mộng N đối với ông Đồng Văn D.

1. Buộc ông Đồng Văn D có trách nhiệm thanh toán cho bà Phạm Mộng N số tiền vay gốc còn lại là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng), bà N không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Địa điểm giao nhận tiền trả nợ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả cho nguyên đơn dứt điểm số tiền nêu trên thì hàng tháng bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn thêm một khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Đồng Văn D phải chịu án phí với số tiền là 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm ngàn đồng). Nguyên đơn bà Phạm Mộng N không phải chịu án phí, bà N được nhận lại số tiền 2.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0003007 ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (17/3/2025). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- Chi cục THADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

(Đã ký)

Lữ Cẩm Nhung

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Văn Kiếp sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Cục Đường sù;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán - Chủ Tọa Phiên Tòa

Danh Pì Sách